

Bản án số: 61/2021/HSST

Ngày 02- 07- 2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Sang;

Bà Vũ Thị Thúy.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 06 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Trung T1, sinh ngày 20 tháng 07 năm 1993; nơi sinh: Huyện V1, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm xxx, thôn H1, xã V2, huyện V1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Đỗ Đức Đ1 (Đã chết), họ tên mẹ: Hoàng Thị N1; Chưa có vợ con; Nhân thân: Từ tháng 02- 2011 đến tháng 08- 2012 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Bản án 30/2013/HSST ngày 02-08- 2013, bị Tòa án nhân dân huyện V1, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án 115/2014/HSST ngày 16- 09- 2014, bị Tòa án nhân dân quận T2, thành phố Hà Nội xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 078 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 12- 04- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09- 04- 2021; tạm giam từ ngày 12- 04- 2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất, có mặt.

**Bị hại:** Bà Trần Thị H2, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

**2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

-Ông Phan Trọng K1, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là chồng bà Hòa. Vắng mặt.

-Chị Đỗ Thị L1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn H1, xã V2, huyện V1, thành phố Hải Phòng. Là chị gái bị cáo. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 06- 04- 2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14P4- 3530 đi từ nhà đến xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình để xem đá gà. Trên đường đi, khi đến khu vực gần sân vận động xã T2, bị cáo thấy một người phụ nữ đi xe đạp, trên giỏ hàng phía trước có chiếc túi. Bị cáo nảy sinh ý định giật chiếc túi này nên điều khiển xe mô tô đi theo người phụ nữ, khi đến đoạn đường vắng, bị cáo đi sát vào bên trái xe đạp, dùng tay phải giật chiếc túi rồi nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường về, đến cánh đồng vắng, bị cáo dừng lại kiểm tra túi, lấy toàn bộ số tiền 2.692.000đồng kẹp trong cuốn sổ lương; vứt túi và sổ, giấy tờ xuống ruộng. Ngày 09- 04- 2021, bị cáo đầu thú.

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Bản ảnh thu giữ từ CAMERA; Đơn trình báo ngày 06- 04- 2021 và lời khai bị hại là bà Hòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER MX biển kiểm soát 14P4- 3530- đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy ngày 01 tháng 06 năm 2021; 01 đăng ký mô tô xe máy do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp, tên chủ xe: Nguyễn Thúy G1.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 06- 04- 2021, bị cáo đi xe mô tô mượn của chị gái bị cáo đi từ Hải Phòng sang Thái Bình để xem đá gà. Trên đường đi, khi phát hiện một người phụ nữ đi xe đạp, trên giỏ xe có chiếc túi nên nảy sinh ý định giật chiếc túi. Bị cáo đã đi theo người phụ nữ đến đoạn vắng thì đi sát vào, giật chiếc túi rồi tẩu thoát. Trên đường về, bị cáo dừng xe để kiểm tra túi, thấy có tiền kẹp trong cuốn sổ để trong túi; bị cáo đếm được 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và một số tiền lẻ. Bị cáo lấy toàn bộ số tiền chi tiêu hết; còn các vật khác trong túi cùng chiếc túi thì vứt đi. Bị cáo công nhận đã chiếm đoạt số tiền 2.692.000đồng do bị hại xác định. Khi cho bị cáo mượn xe, chị L1 không biết bị cáo sử dụng xe làm công cụ phạm tội nên bị cáo đề nghị trả lại xe cho chị.

Bị hại là bà H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông K1 trình bày: Bà H2 là vợ ông K1. Hồi 14 giờ 00 ngày 06- 04- 2021, bà H2 đến Ủy ban nhân dân xã T2 để nhận lương hưu của ông K1. Trên đường về thì bà bị một người đi xe mô tô ép sát bên trái và giật chiếc túi áo mưa để ở giỏ xe, rồi tẩu thoát. Trong chiếc túi áo mưa có số tiền 2.692.000đồng; 02 tờ giấy ủy quyền, 01 sổ lương mang tên ông K1 và 01 lọ dầu gió. Ông bà không yêu cầu định giá tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường khoản tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường các tài sản, giấy tờ bị mất và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị L1 trình bày: Chị là chị gái bị cáo. Tháng 01- 2021, chị mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER MX, biển kiểm soát 14P4- 3530 giá 6.500.000đồng; đăng ký xe ghi tên chủ xe: Nguyễn Thúy G1, chưa chuyển quyền sở hữu. Chị cho bị cáo mượn xe nhưng chị không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKSTT ngày 31- 05- 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiểm sát viên đề nghị:

-Xử phạt bị cáo từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Trả lại xe và giấy tờ xe cho chị L1; bị cáo phải chịu án phí hình sự.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2]. Về hành vi của bị cáo:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Ngày 06- 04- 2021, trên đường đi, khi nhìn thấy một người phụ nữ đi xe đạp; bị cáo đã điều khiển xe mô tô đến gần và giật chiếc túi áo mưa để trên giỏ xe, bên trong túi có số tiền 2.692.000đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án . Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp . Bị cáo đã cướp giật số tiền 2.692.000đồng của bị hại nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Tội cướp giật tài sản*” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Bị cáo điều khiển xe mô tô để cướp giật tài sản của người đang đi xe đạp trên đường nên hành vi của bị cáo là “*thủ đoạn nguy hiểm*”, đã vi phạm điểm d khoản 2 của điều luật. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

**“Điều 171. Tội cướp giật tài sản**

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a)....;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm; .....

**[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản

1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo thành khẩn khai báo; đầu thú, có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã lợi dụng sơ hở của người khác để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Việc làm, thu nhập của bị cáo không ổn định, bị cáo không có tài sản nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền.

**[4]. Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường khoản tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường các tài sản, giấy tờ bị mất nên không đặt ra giải quyết.

**[5]. Về vật chứng, xử lý vật chứng, vấn đề khác:** Bị cáo sử dụng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER MX biển kiểm soát 14P4- 3530; đăng ký tên chủ xe Nguyễn Thúy G1 để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe là của chị L1- chị gái bị cáo; chị L1 cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L1. Cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả chiếc xe và đăng ký xe cho chị L1.

**[6]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH

**1.Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Trung T1 phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Đỗ Trung T1: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 04 năm 2021.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Trả lại chị Đỗ Thị L1: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER MX biển kiểm soát 14P4- 3530, hiện đang quản lý tại Chi cục Thanh án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 06 năm 2021;

-Trả lại chị Đỗ Thị L1: 01 đăng ký mô tô xe máy do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23- 03- 2009, tên chủ xe: Nguyễn Thúy G1.

**5. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan. Thời hạn kháng cáo đối với bị hại vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tòng**